

BỘ CÔNG THƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 1315 /QĐ-BCT

Hà Nội, ngày 02 tháng 6 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc bổ sung miễn trừ áp dụng biện pháp chống bán phá giá đối với Công ty TNHH Thép JFE Shoji Việt Nam

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG

Căn cứ Luật Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14 ngày 12 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 10/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương về các biện pháp phòng vệ thương mại;

Căn cứ Nghị định số 96/2022/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Thông tư số 37/2019/TT-BCT ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung về các biện pháp phòng vệ thương mại;

Căn cứ Quyết định số 1283/QĐ-BCT ngày 20 tháng 4 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về kết quả rà soát lần thứ nhất việc áp dụng biện pháp chống bán phá giá một số sản phẩm thép hợp kim hoặc không hợp kim được cán phẳng, được sơn có xuất xứ từ nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa và nước Đại Hàn Dân quốc;

Căn cứ Quyết định số 2964/QĐ-BCT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về sửa đổi, bổ sung Quyết định số 1283/QĐ-BCT ngày 20 tháng 4 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về kết quả rà soát lần thứ nhất việc áp dụng biện pháp chống bán phá giá một số sản phẩm thép hợp kim hoặc không hợp kim được cán phẳng, được sơn;

Căn cứ Quyết định số 23/QĐ-BCT ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc miễn trừ áp dụng biện pháp chống bán phá giá đối với Công ty TNHH Thép JFE Shoji Việt Nam;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Phòng vệ thương mại.



QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bỏ sung lượng sản phẩm thép hợp kim hoặc không hợp kim được cán phẳng, được mạ hoặc không mạ, được sơn có mã HS 7210.70.12, 7210.70.13, 7212.40.13, 7212.40.14, 7225.99.90 và 7226.99.99 được miễn trừ biện pháp chống bán phá giá theo Quyết định số 23/QĐ-BCT ngày 9 tháng 01 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương cho Công ty TNHH Thép JFE Shoji Việt Nam với khối lượng 365 tấn (Ba trăm sáu mươi lăm tấn).

Điều 2. Cho phép Công ty TNHH Thép JFE Shoji Việt Nam được hoàn lại tiền thuế chống bán phá giá đã nộp theo Quyết định số 1283/QĐ-BCT ngày 20 tháng 4 năm 2021 và Quyết định số 2964/QĐ-BCT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Công Thương cho những lô hàng nhập khẩu hàng hóa được miễn trừ và đăng ký tờ khai hải quan trong năm 2023.

Điều 3. Điều kiện để Công ty TNHH Thép JFE Shoji Việt Nam được miễn trừ và hoàn thuế chống bán phá giá đã nộp:

- Hàng nhập khẩu là sản phẩm thép đã được sơn có mã HS 7210.70.12, 7210.70.13, 7212.40.13, 7212.40.14, 7225.99.90 và 7226.99.99;
- Hàng nhập khẩu đăng ký tờ khai hải quan trong năm 2023;
- Hàng nhập khẩu do Công ty TNHH Thép JFE Shoji Việt Nam trực tiếp hoặc ủy thác nhập khẩu.

Điều 4. Mục đích sử dụng của hàng nhập khẩu được miễn trừ:

- Hàng nhập khẩu được miễn trừ phải được Công ty TNHH Thép JFE Shoji Việt Nam đưa vào sản xuất;
- Hàng nhập khẩu được miễn trừ sau khi đưa vào sản xuất chỉ được bán cho Công ty TNHH Panasonic Electric Works Việt Nam.

Điều 5. Việc thực hiện miễn trừ áp dụng biện pháp chống bán phá giá kể cả trình tự, thủ tục hoàn thuế, tuân thủ quy định pháp luật hiện hành.

Điều 6. Bộ Công Thương có quyền thanh tra, kiểm tra Công ty TNHH Thép JFE Shoji Việt Nam về việc thực hiện miễn trừ theo quy định của pháp luật. Trường hợp Công ty vi phạm khoản 1 Điều 26 Thông tư số 37/2019/TT-BCT ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung về các biện pháp phòng vệ thương mại, Bộ Công Thương sẽ thu hồi Quyết định miễn trừ và gửi văn bản tới Cơ quan Hải quan để yêu cầu truy thu tiền thuế được miễn trừ và xử lý theo quy định của pháp luật.

Công ty TNHH Thép JFE Shoji Việt Nam có trách nhiệm tuân thủ điều kiện và nghĩa vụ theo các quy định hiện hành.

Điều 7. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ban hành.

Điều 8. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Phòng vệ thương mại và Công ty TNHH Thép JFE Shoji Việt Nam chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 8;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Bộ Tài chính;
- Tổng cục Hải quan;
- Lưu: VT, PVTM (03).



**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Sinh Nhật Tân



